

---

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI HỢP NHẤT

QUÝ III/2025

---



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
TÀI SẢN			0	0
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		68,490,416,609	91,857,714,028
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		10,096,744,531	9,728,935,114
1. Tiền	111	VI.01	10,096,744,531	9,728,935,114
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	0
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		35,939,785,587	63,867,575,669
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.03.a	31,937,034,090	57,176,561,907
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3,845,574,733	10,920,887,764
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		2,543,000,000	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.04.a	1,875,050,766	31,000,000
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(4,260,874,002)	(4,260,874,002)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	VI.05	0	0
IV. Hàng tồn kho	140	VI.07	19,795,580,757	17,372,015,396
1. Hàng tồn kho	141		19,795,580,757	18,912,015,396
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	(1,540,000,000)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,658,305,734	889,187,849
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.13.a	352,636,792	38,708,145
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2,305,668,942	850,479,704
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	VI.17.b	0	0
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	VI.14.a	0	0
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		701,715,843,994	646,612,570,739
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		175,000,000	175,000,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	VI.03.b	0	0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		175,000,000	175,000,000
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216	VI.04.b	0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
II. Tài sản cố định	220		5,194,792,013	6,906,462,116

1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.09	4,327,507,081	5,750,427,178
- Nguyên giá	222		10,046,903,390	10,046,903,390
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(5.719,396,309)	(4.296,476,212)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	VI.11	0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.10	867,284,932	1,156,034,938
- Nguyên giá	228		1,540,000,000	1,540,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(672.715,068)	(383,965,062)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>VI.12</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
- Nguyên giá	231		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		0	0
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>VI.08</b>	<b>28,547,456,296</b>	<b>20,192,026,448</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	VI.08.a	0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	VI.08.b	28,547,456,296	20,192,026,448
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>666,644,796,986</b>	<b>618,155,149,180</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		643,137,656,822	390,113,178,538
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		23,880,000,000	228,231,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(372.859,836)	(189,029,358)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1,153,798,699</b>	<b>1,183,932,995</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.13.b	1,153,798,699	1,183,932,995
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	VI.24.a	0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268	VI.14.b	0	0
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>770,206,260,603</b>	<b>738,470,284,767</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>			<b>0</b>	<b>0</b>
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>105,536,935,282</b>	<b>74,389,025,958</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>103,514,289,454</b>	<b>72,094,049,769</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.16.a	23,209,846,544	25,994,106,206
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		11,678,459,878	1,380,750,000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.17.a	1,309,163,943	2,391,215,061
4. Phải trả người lao động	314		1,472,252,826	2,381,754,386
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.18.a	672,688,221	180,542,466
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	VI.20.a	0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.19.a	22,072,072,846	1,033,321,440
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		43,044,830,609	38,677,385,623
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	VI.23.a	0	0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		54,974,587	54,974,587
13. Quỹ bình ổn giá	323		0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	0



<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2,022,645,828</b>	<b>2,294,976,189</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	VI.18.b	0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	VI.20.b	0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337	VI.19.b	0	0
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		2,022,645,828	2,294,976,189
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	VI.24.b	0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	VI.23.b	0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		0	0
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>664,669,325,321</b>	<b>664,081,258,809</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>VI.25</b>	<b>664,669,325,321</b>	<b>664,081,258,809</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		431,999,740,000	431,999,740,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		431,999,740,000	431,999,740,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(193,750,000)	(193,750,000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		0	0
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		0	0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2,863,107,311	2,863,107,311
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		224,589,949,326	224,001,476,474
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		224,001,476,474	194,692,554,020
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		588,472,852	29,308,922,454
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		0	0
13. Lợi ích cổ động không kiểm soát	429		5,410,278,684	5,410,685,024
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	<b>VI.28</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1. Nguồn kinh phí	431		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0	0
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>770,206,260,603</b>	<b>738,470,284,767</b>

Người lập biểu

  
Trần Thị Thanh Hương

Kế toán trưởng

  
Phạm Thị Minh Thư

Lập ngày 30 tháng 09 năm 2025

Tổng giám đốc



Nguyễn Minh Tâm



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Quý III/2025	Quý III/2024	Lũy kế từ 01/01/2025 đến 30/09/2025	Lũy kế từ 01/01/2024 đến 30/09/2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	36,916,852,124	7,443,886,962	101,013,517,726	48,069,399,935
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	0	6,939,951,558	0	20,433,808
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	36,916,852,124	503,935,404	101,013,517,726	48,048,966,127
4. Giá vốn hàng bán	11	29,274,136,353	5,798,868,496	86,949,951,523	40,757,872,039
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	7,642,715,771	5,294,933,092	14,063,566,203	7,291,094,088
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29,869,662	198,914	159,007,939	627,852,693
7. Chi phí tài chính	22	605,801,576	556,995,031	2,583,373,567	12,390,736,628
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23				0
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24	- 1,642,183,814	- 229,539,106	(5,227,943,178)	(249,144,257)
9. Chi phí bán hàng	25	227,533,964	184,341,860	727,650,743	339,083,032
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	1,623,418,798	- 18,029,391,477	4,986,020,704	13,308,191,386
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 -22) - 25 - 26)	30	3,573,647,281	11,763,781,302	697,585,950	18,368,208,522
12. Thu nhập khác	31	-	27,985,069	2,842,881	256,857,947
12.1. Lãi từ thanh lý TSCĐ	31.1			0	0
12.2. Thu nhập khác	31.2		27,985,069	2,842,881	256,857,947
13. Chi phí khác	32	13,871,575	- 17,097,685	25,701,876	71,701,603
13.1. Lỗ từ thanh lý TSCĐ	32.1			0	0
13.2. Chi phí khác	32.2	13,871,575	- 17,097,685	25,701,876	71,701,603
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	- 13,871,575	45,082,754	- 22,858,995	185,156,344
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	3,559,775,706	11,808,864,056	674,726,955	18,183,052,178
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	-2,339,558		(2,339,558)	



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ 01/01/2025 đến 30/09/2025	Lũy kế từ 01/01/2024 đến 30/09/2024
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		148,289,641,490	74,881,611,206
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		-100,041,137,373	(77,807,302,346)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		-3,823,395,482	(2,692,307,240)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-2,884,370,924	(1,343,047,219)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-932,904,768	(17,618,659)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		234,669,592,775	307,679,452,475
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-14,060,807,461	(18,015,188,714)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>261,216,618,257</b>	<b>282,685,599,503</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-1,119,000,000	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			42,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-280,905,600,000	(330,394,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		16,390,000,000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(265,634,600,000)</b>	<b>(288,394,000,000)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		107,304,002,160	40,346,000,000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-102,518,211,000	(20,519,083,334)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			(15,000,000,000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>4,785,791,160</b>	<b>4,826,916,666</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>367,809,417</b>	<b>(881,483,831)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>9,728,935,114</b>	<b>7,015,354,193</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>VIII</b>	<b>10,096,744,531</b>	<b>6,223,870,362</b>



Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hương

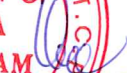
Kế toán trưởng



Phạm Thị Minh Thư

Lập ngày 30 tháng 09 năm 2025

Tổng giám đốc



Nguyễn Minh Tâm



## CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 1406, tòa nhà Vinaconex Diamond, số 459C Bạch Mai, Phường Bạch Mai, TP Hà Nội, Việt Nam  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2025  
cho kỳ báo cáo tài chính năm 2025

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2025

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** Thương mại và Dịch vụ.
- Ngành nghề kinh doanh**
  - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;  
Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;  
- Mua bán vật tư tiêu hao, phim ảnh, hóa chất y tế;
  - Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
  - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển  
Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị y tế.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
- Danh sách các công ty con được hợp nhất:**

Các Công ty con:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp thực tế	Ngành nghề kinh doanh chính
Công ty Cổ phần sản xuất thiết bị công nghệ cao Hạ Long Osaka	Lô A15, cụm công nghiệp Nam Sơn, xã Nam Sơn, huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh	99%	Bán buôn máy móc, thiết bị y tế
Công ty Cổ phần liên kết sản xuất Việt Nam Nhật Bản	Khu công nghiệp Sông Hậu – Giai đoạn 1, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	98,22%	Sản xuất vật tư y tế, đóng gói hóa chất
Công ty cổ phần sản xuất phần mềm Y Tế Việt	35 BT5 KĐT Pháp Vân, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	98%	Lập trình máy tính, hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty Cổ phần Phòng Khám Tân Triều	Số 1 Phúc Thịnh, Cầu Bươu, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Hà Nội.	98%	Phòng khám đa khoa chuẩn đoán hình ảnh
Công ty Cổ phần Phòng khám Healthcare Hậu Giang	Số 16, đường số 4, Khu vực 4, Phường III, TP. Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.	98%	Phòng khám đa khoa chuẩn đoán hình ảnh
Công ty Cổ phần Phòng khám Healthcare Sóc Trăng	Tầng trệt số 438 đường Lê Duẩn, Khóm 4, Phường 4, Thành phố Sóc Trăng.	98%	Phòng khám đa khoa chuẩn đoán hình ảnh

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Phòng 1406, tòa nhà Vinaconex Diamond, số 459C Bạch Mai, Phường Bạch Mai, TP Hà Nội, Việt Nam  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2025**  
cho kỳ báo cáo tài chính năm 2025

---

Các công ty con, công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường.

## **II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sara Việt Nam (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Phòng 1406, tòa nhà Vinaconex Diamond, số 459C Bạch Mai, Phường Bạch Mai, TP Hà Nội, Việt Nam  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2025**  
cho kỳ báo cáo tài chính năm 2025

---

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chí phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

### **2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán và nguyên tắc hạch toán chênh lệch tỷ giá**

Công ty có phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ JPY; USD.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

### **3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Phòng 1406, tòa nhà Vinaconex Diamond, số 459C Bạch Mai, Phường Bạch Mai, TP Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2025**

cho kỳ báo cáo tài chính năm 2025

---

### **4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo qui định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu.

### **5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho theo qui định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu...

### **6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định

Số năm

Máy móc thiết bị

05

### **7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**



## **CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Phòng 1406, tòa nhà Vinaconex Diamond, số 459C Bạch Mai, Phường Bạch Mai, TP Hà Nội, Việt Nam  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2025**  
cho kỳ báo cáo tài chính năm 2025

---

### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

### **8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

### **9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

### **10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, trích lập các quỹ, chia cổ tức**

#### ***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

#### ***Lợi nhuận chưa phân phối***

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

### **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### ***a) Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

#### ***b) Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:



## **CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Phòng 1406, tòa nhà Vinaconex Diamond, số 459C Bạch Mai, Phường Bạch Mai, TP Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2025**

cho kỳ báo cáo tài chính năm 2025

---

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./

### ***c) Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./

## **12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

## **13. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

## **14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

## **15. Tài sản tài chính**

### ***Phân loại tài sản tài chính***

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Phòng 1406, tòa nhà Vinaconex Diamond, số 459C Bạch Mai, Phường Bạch Mai, TP Hà Nội, Việt Nam  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2025**  
cho kỳ báo cáo tài chính năm 2025

---

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

### **16. Nợ phải trả tài chính**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

*Nợ phải trả tài chính*

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 1406, tòa nhà Vinaconex Diamond, số 459C Bạch Mai, Phường Bạch Mai, TP Hà Nội, Việt Nam  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2025  
cho kỳ báo cáo tài chính năm 2025

---

*Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

*Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

### 17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 1406, tòa nhà Vinaconex Diamond, số 459C Bạch Mai, Phường Bạch Mai, TP Hà Nội, Việt Nam  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2025  
cho kỳ báo cáo tài chính năm 2025

### 18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	10.050.018.241	642.709.240
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	46.726.290	9.068.225.874
<b>Cộng</b>	<b>10.096.744.531</b>	<b>9.728.935.114</b>

### 2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Trung tâm Xét nghiệm Golab Tân An	-	-	1.785.000.000	-
Công ty Cổ phần Trung tâm Xét nghiệm Golab Bắc Ninh	-	-	1.785.000.000	-
Công ty Cổ phần Trung tâm Xét nghiệm Golab An Giang	-	-	1.785.000.000	-
Công ty Cổ phần Trung tâm Xét nghiệm Golab Biên Hòa	-	-	1.785.000.000	-
Công ty Cổ phần Trung tâm Xét nghiệm Golab Hà Tĩnh	-	-	1.785.000.000	-
Công ty Cổ phần Trung tâm Xét nghiệm Golab Tuyên Quang	-	-	4.585.000.000	-
Công ty Cổ phần Trung tâm Xét nghiệm Golab Vĩnh Phúc	-	-	1.785.000.000	-
Công ty Cổ phần Trung tâm Xét nghiệm Golab Gò Vấp	-	-	2.800.000.000	-
Công ty Cổ phần phòng khám Medicare Hữu Nghị	-	-	4.500.324.500	-
Công ty Cổ phần Trung tâm Xét nghiệm Golab Hải Phòng	-	-	6.885.324.500	-
Công ty Cổ phần Phòng khám Medicare Ninh Bình	-	-	6.285.324.500	-
Công ty Cổ phần Trung tâm Xét nghiệm Golab Hưng Yên	-	-	2.375.000.000	-
Công ty Cổ phần Trung tâm Xét nghiệm Golab Pháp Vân	-	-	2.800.000.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Phòng 1406, tòa nhà Vinaconex Diamond, số 459C Bạch Mai, Phường Bạch Mai, TP Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2025**

cho kỳ báo cáo tài chính năm 2025

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty cổ phần kỹ thuật đầu tư kỹ thuật cáo Cần Thơ			5.353.000.000	
Kyoto F&B Co;LTD	4,939,649,054		8,521,748,003	
JWB Co.;LTD	7,959,827,981		1.407.936.696	
Công ty CP Sara Vũng Tàu	4,408,765,000		-	-
Công ty CP Sara Vinam	8,520,640,000	-	-	-
Công ty Cổ phần Trung tâm Xét nghiệm Golab Cần Thơ	1,449,000,000	-	-	-
Công ty CP CNC y tế và môi trường Hạ Long Tokyo	2,982,000,000			-
Các đối tượng khác	1,677,152,055	-	952.903.708	
<b>Cộng</b>	<b>31,937,034,090</b>	-	<b>57.176.561.907</b>	

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH Thiết bị Y học Nhật	-	-		-
Công ty Cổ phần Kanpeki Nhật Bản	2,814,993,235	-	2.449.207.718	-
Công ty Cổ Phần Đầu tư Lou		-	-	-
Công ty TNHH Môi trường Y Tế Công Nghệ Cao		-	-	-
Công ty TNHH Hưng Thịnh LS	224,162,000	-	224.162.000	-
Công ty TNHH Tư vấn và Chuyển giao		-		-
Công nghệ Môi trường Thăng Long	529,500,000	-	529.500.000	-
JWB CO.,LTD		-	7.487.886.000	-
Các đối tượng khác	276.919.507	-	230.132.046	-
<b>Cộng</b>	<b>3.845.574.742</b>	-	<b>10.920.887.764</b>	-

**4. Các khoản phải thu khác****a) Ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	8.675.381	0	0	-
Ký cược, ký quỹ	35.200.000		31.000.000	
Phải thu khác	1,831,175,385	-	0	-
<b>Cộng</b>	<b>1.875.050.766</b>	-	<b>31.000.000</b>	-

**b) Dài hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản phải thu khác	175.000.000	-	175.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>175.000.000</b>	-	<b>175.000.000</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Phòng 1406, tòa nhà Vinaconex Diamond, số 459C Bạch Mai, Phường Bạch Mai, TP Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2025**

cho kỳ báo cáo tài chính năm 2025

**5. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	119.024.942	-	71.604.580	-
Thành phẩm	500.510.274	-	1.021.177.019	-
Hàng hóa	19.176.045.541	0	17.819.233.797	(1.540.000.000)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang				
<b>Cộng</b>	<b>19.795.580.757</b>	<b>0</b>	<b>18.912.015.396</b>	<b>(1.540.000.000)</b>

**6. Chi phí trả trước**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các chi phí trả trước ngắn hạn	352,636,792	38.708.145
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các chi phí trả trước dài hạn	1,153,798,699	1.183.932.995
<b>Cộng</b>	<b>1,153,798,699</b>	<b>1.183.932.995</b>

**7. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	5.750.427.178	-	5.750.427.178
Giảm do thoái vốn	-	-	-
Giảm do thanh lý	-	-	-
Mua trong năm	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>10.046.903.390</b>	<b>-</b>	<b>10.046.903.390</b>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	4.296.476.212	-	4.296.476.212
Khấu hao trong kỳ	1,422,920,097	-	1,422,920,097
Giảm do thoái vốn	-	-	-
Giảm do thanh lý	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>5.719.396.309</b>	<b>-</b>	<b>5.719.396.309</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	5.750.427.178	-	5.750.427.178
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>4.327.507.081</b>	<b>-</b>	<b>4.327.507.081</b>

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**



## CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 1406, tòa nhà Vinaconex Diamond, số 459C Bạch Mai, Phường Bạch Mai, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2025

cho kỳ báo cáo tài chính năm 2025

	Số đầu năm	Phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào tài sản cố định	Số cuối kỳ
Tài sản dở dang	28.547.456.296	-	-	20.192.026.448
<b>Cộng</b>	<b>28.547.456.296</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>20.192.026.448</b>

### 9. Đầu tư vào Công ty liên kết

Là các khoản đầu tư vào chuỗi các Công ty liên kết để thực hiện thành lập các phòng khám và các trung tâm xét nghiệm trên khắp cả nước. Chi tiết các khoản đầu tư tại ngày 30/09/2025 như sau:

Đầu tư vào Công ty liên kết	Giá gốc	Tỷ lệ góp vốn thực tế	Trích lập dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab Trà Vinh	9,000,000,000	30%	-48,004,790	8,951,995,211
Công ty CP Famicare Vĩnh Long	9,000,000,000	32%	-41,223,481	8,958,776,519
Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab Vĩnh Long	9,000,000,000	30%	-41,354,771	8,958,645,230
Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab Tiền Giang	9,000,000,000	30%	-37,748,972	8,962,251,028
Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab Đồng Tháp	9,000,000,000	30%	-33,602,899	8,966,397,101
Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab An Giang	9,000,000,000	30%	-81,433,077	8,918,566,923
Công ty CP Famicare Kiên Giang	9,000,000,000	39%	-93,764,388	8,906,235,612
Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab Kiên Giang	9,000,000,000	30%	-45,736,719	8,954,263,281
Công ty CP FamiCare Pháp Vân	9,000,000,000	30%	124,965,140	9,124,965,140
Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab Pháp Vân	9,000,000,000	30%	-101,205,033	8,898,794,967
Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab Quảng Bình	9,000,000,000	30%	-86,066,318	8,913,933,682
Công ty CP Famicare Quảng Bình	9,000,000,000	39%	-55,564,885	8,944,435,115
Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab Hà Tĩnh	9,000,000,000	30%	-158,206,197	8,841,793,803
Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab Vĩnh Phúc	9,000,000,000	30%	-48,347,865	8,951,652,135
Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab Hải Dương	9,000,000,000	30%	-62,733,468	8,937,266,532
Công ty CP Famicare Hưng Yên	3,000,000,000	18%	-27,437,379	2,972,562,621
Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab Tuyên Quang	9,000,000,000	30%	-71,955,508	8,928,044,492
Công ty CP Famicare Tuyên Quang	4,633,200,000	19%	-21,616,735	4,611,583,265
Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab Hưng Yên	9,000,000,000	30%	-51,362,249	8,948,637,751
Công ty CP Famicare Hải Dương	9,000,000,000	39%	-51,340,811	8,948,659,189

**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Phòng 1406, tòa nhà Vinaconex Diamond, số 459C Bạch Mai, Phường Bạch Mai, TP Hà Nội, Việt Nam  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2025  
cho kỳ báo cáo tài chính năm 2025

Công ty CP Famicare Bạc Liêu	9,000,000,000	37%	-49,834,048	8,950,165,952
Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab Bạc Liêu	9,000,000,000	30%	-77,822,327	8,922,177,673
Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab Gò Vấp	9,000,000,000	30%	-60,966,935	8,939,033,065
Công ty CP Fami Đồng Nai (Biên Hoà)	3,000,000,000	30%	-64,637,693	2,935,362,307
Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab Bắc Ninh	9,000,000,000	30%	-39,586,338	8,960,413,662
Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab Hải Phòng	9,000,000,000	30%	-236,309,446	8,763,690,554
Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab Tân An (Long An)	9,000,000,000	30%	-43,140,992	8,956,859,008
Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab Biên Hòa (Đồng Nai)	9,000,000,000	30%	-93,397,066	8,906,602,934
Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab Quận 5 (BV Chợ Rẫy)	9,000,000,000	30%	-89,220,608	8,910,779,392
Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab Tây Ninh	9,000,000,000	30%	-42,711,424	8,957,288,576
Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab Kon Tum	9,000,000,000	30%	-25,434,227	8,974,565,774
Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab Bình Dương	13,500,000,000	50%	-117,644,420	13,382,355,580
Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab Đà Nẵng	13,500,000,000	45%	-161,173,674	13,338,826,326
Công ty CP Famicare Đà Nẵng	4,500,000,000	45%	-118,044,890	4,381,955,110
Công ty CP Famicare Hà Tĩnh	4,500,000,000	45%	-64,174,808	4,435,825,192
Công ty CP Famicare Nghệ An	4,500,000,000	45%	-37,512,118	4,462,487,882
Công ty CP Famicare Bắc Ninh	4,500,000,000	45%	-42,952,638	4,457,047,362
Công ty CP Famicare Hải Phòng	4,500,000,000	45%	-53,388,558	4,446,611,442
Công ty CP Famicare Ninh Bình	4,500,000,000	45%	-101,631,002	4,398,368,998
Công ty CP Famicare Hòa Bình	4,200,000,000	42%	25,246,277	4,225,246,277
Công ty CP Famicare Sóc Trăng	4,200,000,000	42%	-16,360,381	4,183,639,619
Công ty CP Famicare 3/2	4,200,000,000	42%	5,288,374	4,205,288,374
Công ty CP Famicare Gò Vấp	4,200,000,000	42%	-46,265,492	4,153,734,508
Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab Quảng Ngãi	13,800,000,000	46%	-43,894,736	13,756,105,264
Công ty CP Famicare Quảng Ngãi (Nguyễn Trãi)	4,200,000,000	42%	-25,209,542	4,174,790,458
Công ty CP Famicare Bình Định	4,200,000,000	42%	-60,905,549	4,139,094,451
Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab Bình Định	9,800,700,000	40%	-89,287,037	9,711,412,963
Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab Đắk Lắk	9,600,000,000	40%	-62,587,907	9,537,412,093
Công ty CP Famicare Đắk Lắk	4,100,000,000	100%	-117,571,574	3,982,428,426
Công ty CP Famicare Hữu Nghị	4,100,000,000	46%	-51,203,486	4,048,796,514
Công ty CP Famicare Trà Vinh	4,100,000,000	41%	-35,198,797	4,064,801,203



**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Phòng 1406, tòa nhà Vinaconex Diamond, số 459C Bạch Mai, Phường Bạch Mai, TP Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2025**

cho kỳ báo cáo tài chính năm 2025

Công ty CP Famicare Tiền Giang	4,100,000,000	41%	-20,057,270	4,079,942,730
Công ty CP Famicare Đồng Tháp	4,100,000,000	41%	-17,874,877	4,082,125,123
Công ty CP Famicare An Giang	4,100,000,000	41%	-29,662,973	4,070,337,027
Công ty CP Famicare Vĩnh Phúc	4,100,000,000	41%	-19,939,938	4,080,060,062
Công ty CP Famicare Long An	1,140,000,000	16%	-12,286,037	1,127,713,963
Công ty CP Famicare Q5	3,160,600,000	39%	-45,770,380	3,114,829,620
Công ty CP Famicare Tây Ninh	3,526,300,000	42%	-32,859,490	3,493,440,510
Công ty CP Famicare Kontum	4,100,000,000	46%	-27,253,197	4,072,746,803
Công ty CP Famicare Thủ dầu 1	4,100,000,000	46%	-39,540,238	4,060,459,762
Công ty CP Famicare Gia Lai	4,100,000,000	41%	-24,498,378	4,075,501,622
Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab Quảng Trị	9,300,000,000	41%	-60,516,708	9,239,483,292
Công ty CP Famicare Quảng Trị	1,300,000,000	100%	-94,224,201	1,205,775,799
Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab Quảng Nam	9,300,000,000	54%	-56,167,147	9,243,832,853
Công ty CP Famicare Quảng Nam	1,000,000,000	17%	-17,487,839	982,512,161
Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab Đắc Nông	9,300,000,000	38%	-28,741,352	9,271,258,648
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Vĩnh Yên	10,208,300,000	38%	-134,701,819	10,073,598,181
Công ty CP Famicare Vĩnh Yên	500,000,000	5%	-4,239,755	495,760,245
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Bắc Kan	13,800,000,000	100%	-72,434,211	13,727,565,789
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Hà Giang	13,800,000,000	48%	-58,576,800	13,741,423,200
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Nam Định	13,800,000,000	100%	-49,999,104	13,750,000,896
Công ty CP Famicare Nam Định	4,600,000,000	48%	-18,404,560	4,581,595,440
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Thái Bình	13,800,000,000	58%	-96,671,553	13,703,328,447
Công ty CP Famicare Thái Bình	4,600,000,000	100%	-55,193,900	4,544,806,100
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Thủ Đức - Healthcare Q12	9,900,000,000	33%	-274,991,941	9,625,008,059
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Vũng Tàu( THT)	3,418,000,000	19%	-100,877,183	3,317,122,817
Công ty CP Famicare Vũng Tàu	4,600,000,000	100%	-71,339,387	4,528,660,613
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Cà Mau	10,600,000,000	42%	-22,690,208	10,577,309,792
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Phú yên	10,400,000,000	69%	-51,245,688	10,348,754,312
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Sơn La	10,500,000,000	54%	-31,271,344	10,468,728,656
Công ty CP Famicare Sơn La	4,600,000,000	57%	-30,523,260	4,569,476,740
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Khánh Hòa	7,800,000,000	100%	-93,466,622	7,706,533,378



**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Phòng 1406, tòa nhà Vinaconex Diamond, số 459C Bạch Mai, Phường Bạch Mai, TP Hà Nội, Việt Nam  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2025  
cho kỳ báo cáo tài chính năm 2025

Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Điện Biên	12,790,000,000	47%	-50,213,588	12,739,786,412
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Lạng Sơn	7,800,000,000	47%	-23,262,319	7,776,737,681
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Bắc Giang	7,800,000,000	40%	-7,877,716	7,792,122,284
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Thanh Hóa	5,054,000,000	33%	-48,279,847	5,005,720,153
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Thái Nguyên	2,074,500,000	100%	-126,505,890	1,947,994,110
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Ninh Thuận	7,800,000,000	86%	-87,170,238	7,712,829,762
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Cao Bằng	7,800,000,000	39%	-11,170,581	7,788,829,419
<b>Cộng</b>	<b>648,365,600,000</b>		<b>(4,750,902,172)</b>	<b>643,137,656,822</b>

**10. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>23,880,000,000</b>	<b>-477,041,006</b>	<b>228.231.000.000</b>	<b>-</b>
Trung tâm sản nhi Bệnh Viện đa khoa tỉnh Phú Thọ (*)	0		204.227.000.000	
Công ty Cổ phần Phòng Khám Medicare Hữu Nghị	4.764.000.000	-53,932,294	4.764.000.000	-
Công ty Cổ phần Phòng Khám Medicare Ninh Bình	4.640.000.000	-51,689,406	4.640.000.000	-
Công ty Cổ phần Phòng Khám Ba Đình	4.700.000.000	-293,867,099	4.700.000.000	-
Công ty Cổ phần Phòng Khám Nghệ An	4.800.000.000	-42,818,506	4.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Trung tâm Xét nghiệm Golab Gia Lai	5.100.000.000	-34,733,701	5.100.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>23,880,000,000</b>	<b>-477,041,006</b>	<b>228.231.000.000</b>	<b>-</b>

(\*)(\*) Là khoản đầu tư vào Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ để đầu tư xây dựng Trung tâm sản Nhi thuộc Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ theo hợp đồng góp vốn số 01/2019/HĐ/BVĐKPT-SRA ngày 24 tháng 9 năm 2019 và Phụ lục số: 01/2019/HĐ/BVĐKTTP/SRA ngày 11 tháng 10 năm 2019 và phụ lục số 02/2019/HĐ/BVĐKTTP/SRA ngày 29 tháng 10 năm 2019, số tiền góp vốn là 204.227.000.000 VND, thời hạn góp là 36 năm. Công ty được cấp Giấy chứng nhận góp vốn tương ứng với từng lần góp vốn. Công ty đã góp đủ vốn vào Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ là 204.227.000.000VND.

Tại ngày 15/02/2025, Công ty đã chuyển nhượng phần vốn góp cho Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ theo hợp đồng số 01/2025/HĐCN/SARA-VIETMY, giá chuyển nhượng là 204.227.000.000 VND. Thời gian chuyển nhượng từ ngày kí đến 31/03/2025. Đến thời điểm hiện tại, Công ty Việt Mỹ đã thanh toán toàn bộ số tiền 204.227.000.000 VND cho Sara.

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Phòng 1406, tòa nhà Vinaconex Diamond, số 459C Bạch Mai, Phường Bạch Mai, TP Hà Nội, Việt Nam  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2025**  
cho kỳ báo cáo tài chính năm 2025

Phải trả người bán ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Thiết bị và Dụng cụ Y khoa 3P	1.268.700.000	1.268.700.000
Công ty Cổ phần Phòng khám Medicare Cần Thơ		2.887.500.000
Công ty Cổ phần Đầu Tư Bệnh Viện Việt Mỹ		626.000.000
Công ty Cổ phần phòng khám Medicare Ngã Bảy		1.276.000.000
Công ty Cổ phần Kanpeki Nhật Bản		13.346.073.958
Công ty Cổ phần công nghệ cao y tế và môi trường Hạ Long Tokyo		3.465.000.000
JWB co.,ltd	2,894,578,790	545.601.488
Công ty cổ phần trung tâm xét nghiệm Golab Tuyên Quang	2.800.000.000	0
Công ty Cổ phần phòng khám Hòa Bình	3,927,000,000	1.386.000.000
Công ty CP đầu tư Lou	1,417,500,000	
Công ty TNHH MTV Vinaconex đầu tư	8,006,729,725	
Các đối tượng khác	2,895,338,029	1.193.230.760
<b>Cộng</b>	<b>23,209,846,544</b>	<b>25.994.106.206</b>

**12. Người mua trả tiền trước**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần Vinam		1,380,750,000
Công ty cổ phần phòng khám Ba Đình	1,575,000,000	
Công ty cổ phần trung tâm xét nghiệm Golab Hưng Yên	6,300,000,000	
Công ty cổ phần trung tâm xét nghiệm Golab Quảng Ngãi	3,500,000,000	
Các đối tượng khác	303,459,878	
<b>Cộng</b>	<b>11,678,459,878</b>	<b>1,380,750,000</b>

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Phát sinh trong kỳ			Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Giảm do thoái vốn	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	380.591.235	-	912.105.466	1.016.064.900		276.931.801	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.979.930.085	-	(2.339.558)	932.904.768	-	995.995.939	-
Thuế thu nhập cá nhân	30.693.741	-	52.424.969	46.582.507		36.236.203	-
Các loại thuế khác	-	-	41.297.630	41.297.630		-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.391.215.061</b>	<b>-</b>	<b>1.003.488.507</b>	<b>2.036.849.805</b>	<b>-</b>	<b>1.309.163.943</b>	<b>-</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Doanh thu bán vật tư, thiết bị y tế 5%

## CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 1406, tòa nhà Vinaconex Diamond, số 459C Bạch Mai, Phường Bạch Mai, TP Hà Nội, Việt Nam  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2025  
cho kỳ báo cáo tài chính năm 2025

- Doanh thu cung cấp dịch vụ xét nghiệm, chiếu, chụp liên kết với các bệnh viện	Không chịu thuế
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	10%
- Doanh thu xuất khẩu	0%

### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

## 14. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	9.608.573	9.608.573
Bảo hiểm xã hội	57.056.828	0
Bảo hiểm y tế	7.248.150	0
Bảo hiểm thất nghiệp	3.079.800	0
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	21.995.079.800	1.023.715.867
<b>Cộng</b>	<b><u>22.072.072.846</u></b>	<b><u>1.033.321.440</u></b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 1406, tòa nhà Vinaconex Diamond, số 459C Bạch Mai, Phường Bạch Mai, TP Hà Nội, Việt Nam  
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2025  
 cho kỳ báo cáo tài chính năm 2025

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
15. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	431.999.740.000	(193.750.000)	2.863.107.311	194.024.695.283	5.631.877.234	634.325.669.828
Số dư đầu năm trước	-	-	-	29.308.922.454	178.059.679	29.486.982.133
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	(50.453.060)	(50.453.060)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Chi phí tăng vốn	-	-	-	-	-	-
Cổ tức	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	667.858.373	(348.798.830)	319.059,544
Số dư cuối kỳ năm trước	431.999.740.000	(193.750.000)	2.863.107.311	224,001,476,474	5.410.685.024	664.081.258.809
Số dư đầu năm nay	431.999.740.000	(193.750.000)	2.863.107.311	224,001,476,474	5.410.685.024	664.081.258.809
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	588,472,852	88,593,660	677,066,512
Tăng, giảm do thay đổi tỷ lệ sở hữu	-	-	-	-	-	-
Chi phí tăng vốn	-	-	-	-	-	-
Cổ tức	-	-	-	-	-89,000,000	-89,000,000
Tăng, giảm do do hợp nhất	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	431.999.740.000	(193.750.000)	2.863.107.311	224,589,949,326	5,410,278,684	664,669,325,321

**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Phòng 1406, tòa nhà Vinaconex Diamond, số 459C Bạch Mai, Phường Bạch Mai, TP Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2025**

cho kỳ báo cáo tài chính năm 2025

**Cổ phiếu**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	43.199.974	43.199.974
- Cổ phiếu phổ thông	43.199.974	43.199.974
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.199.974	43.199.974
- Cổ phiếu phổ thông	43.199.974	43.199.974
- Cổ phiếu ưu đãi		-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**V.THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****a. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>30/09/2025</b>	<b>30/09/2024</b>
Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	36,916,852,124	7,443,886,962
Các khoản giảm trừ doanh thu	0	6,939,951,558
<b>Cộng</b>	<b>36,916,852,124</b>	<b>14.383.838.520</b>

**b. Giá vốn hàng bán**

	<b>30/09/2025</b>	<b>30/09/2024</b>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	29,274,136,353	5,798,868,496
<b>Cộng</b>	<b>29,274,136,353</b>	<b>5,798,868,496</b>

**c. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>30/09/2025</b>	<b>30/09/2024</b>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn		198,914
Doanh thu hoạt động tài chính khác	29,869,662	0
<b>Cộng</b>	<b>29,869,662</b>	<b>198,914</b>

**d. Chi phí tài chính**

	<b>30/09/2025</b>	<b>30/09/2024</b>
Chi phí tài chính	605,801,576	556,995,031
<b>Cộng</b>	<b>605,801,576</b>	<b>556,995,031</b>

**e. Chi phí bán hàng**

	<b>30/09/2025</b>	<b>30/09/2024</b>
Chi phí bán hàng	227,533,964	184,341,860
<b>Cộng</b>	<b>227,533,964</b>	<b>184,341,860</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Phòng 1406, tòa nhà Vinaconex Diamond, số 459C Bạch Mai, Phường Bạch Mai, TP Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2025**

cho kỳ báo cáo tài chính năm 2025

**f. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	30/09/2025	30/09/2024
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1,623,418,798	-18,029,391,477
<b>Cộng</b>	<b>1,623,418,798</b>	<b>-18,029,391,477</b>

**g. Chi phí khác**

	30/09/2025	30/09/2024
Chi phí khác	13,949,950	-17,097,685
<b>Cộng</b>	<b>13,949,950</b>	<b>-17,097,685</b>

**h. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	30/09/2025	30/09/2024
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3,559,775,706	13.969.446.363
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
<i>Phạt nộp chậm thuế, bảo hiểm</i>	2,339,558	-
<i>Lãi lỗ do hợp nhất</i>		
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<i>Cổ tức lợi nhuận được chia</i>		
Thu nhập chịu thuế	3,562,115,264	11.668.877.931
Lỗ công ty mẹ được quyết toán riêng	-	
Thu nhập miễn thuế tại công ty con	0	0
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**i. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	30/09/2025	30/09/2024
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3,562,115,264	
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	43.199.974	43.199.974
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>0</b>	



## CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 1406, tòa nhà Vinaconex Diamond, số 459C Bạch Mai, Phường Bạch Mai, TP Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2025**

cho kỳ báo cáo tài chính năm 2025

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>30/09/2025</u>	<u>30/09/2024</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	43.199.974	43.199.974
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành trong năm	-	-
Ảnh hưởng do tăng vốn từ lợi nhuận sau thuế	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<u><b>43.199.974</b></u>	<u><b>43.199.974</b></u>

Lập ngày 30 tháng 09 năm 2025

NGƯỜI LẬP BIỂU



Trần Thị Thanh Hương

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Phạm Thị Minh Thư

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Minh Tâm